## CÁC ĐƠN VỊ CẤP SỞ THUỘC TỈNH BAN DÂN TỘC

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_

# BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ (Ngày 6 tháng 7 năm 2022)

#### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Lê Thế Dũng. Ngày tháng năm sinh: 03/07/2022.

- Chức vụ/chức danh công tác: Trưởng Phòng.

- Cơ quan/đơn vị công tác: CÁC ĐƠN VỊ CẤP SỞ THUỘC TỈNH - Ban Dân Tộc.

- Nơi thường trú: 123 Ngô Đến, Nha Trang.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 123124567

ngày cấp: 29/06/2022. nơi cấp: Nha Trang, Khánh Hòa.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Vợ Lê Thế Dũng. Ngày tháng năm sinh: 06/07/2022.

- Nghề nghiệp: Công Nhân.

- Nơi làm việc: Cảng Phả.

- Nơi thường trú: cảng cá.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 12345678

ngày cấp: 04/07/2022. nơi cấp: Nha Trang.

#### 3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ 1:

- Họ và tên: Con Lê Thế Dũng. Ngày tháng năm sinh: 06/07/2022.

- Nơi thường trú: 123 Ngô Đến, Nha Trang.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 123456789

ngày cấp: 06/07/2022. nơi cấp: Khánh Hòa.

### II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

1.2. Các loai đất khác:

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.2. Công trình xây dựng khác

3. Tài sản khác gắn liền với đất:

3.1. Cây lâu năm:
3.2. Rừng sản xuất:
3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên:
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):
6.1. Cổ phiếu:
6.2. Trái phiếu:
6.3. Vốn góp:
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác:
7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy):
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác):
8. Tài sản ở nước ngoài:
8.1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:
8.1.1. Đất ở:
1.1.1. Thửa thứ 1:
- Địa chỉ: 1.
- Diện tích: 1 m <sup>2</sup> .
- Giá trị: 1 VNĐ.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: 1.
- Thông tin khác(nếu có): 1.
8.1.2. Các loại đất khác :
1.1.1. Thửa thứ 1:
- Địa chỉ: 1.
$: 1 \text{ m}^2.$
- Giá trị: 1 VNĐ.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: 1.
- Thông tin khác(nếu có): 1.
8.2. Nhà ở, công trình xây dựng:
8.2.1. Nhà ở:
2.1.1. Nhà thứ 1:
- Địa chỉ: 1.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHA THÊM	ẬP; GIẢI TRÌNH NGU	J <b>ÒN GỐC C</b> Ủ	ỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG			
10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai:						
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:						
9. Tài khoản ở nước ngoài:						
- Tên tài sản: 1.	ăm bắt đầu sở hữu: 1.	G	iá trị: 1 VNĐ.			
8.7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác):						
- Tên tài sản: 1.	ố đăng kí: 1.	G	iá trị: 1 VNĐ.			
8.7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tầu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy):						
8.7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:						
- Tên giấy tờ có giá: 2.	Giá trị: 2 VNĐ.					
- Tên giấy tờ có giá: 1.		Giá trị: 1 VNĐ.				
8.6.4. Các loại giấy tờ có giá khác:						
- Hình thức góp vốn: 3.	•	Giá trị: 4 VNĐ.				
- Hình thức góp vốn: 1.		Giá trị: 2 VNE	).			
8.6.3. Vốn góp:						
8.6.2. Trái phiếu:						
8.6.1. Cổ phiếu:						
8.6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các lo từng loại):	ại giấy tờ có giá khác m	à tổng giá trị tư	ừ 50 triệu đồng trở lên (khai theo			
8.5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên:						
8.4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:						
8.3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất	:					
8.3.2. Rừng sản xuất:						
8.3.1. Cây lâu năm:						
- Loại rừng: 1.	Diện tích: 1 m <sup>2</sup> .		Giá trị: 1 VNĐ			
8.3. Tài sản khác gắn liền với đất:						
8.2.2. Công trình xây dựng khác						
- Thông tin khác (nếu có): 1.						
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: 1.						
- Giá trị: 1 VNĐ.						
- Diện tích sử dụng : 1 m <sup>2</sup> .						

- Loại nhà: 1.

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm Số lượng tài sản Giá trị tài sản, thu nhập		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			
6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tầu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy).			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tài khoản ở nước ngoài.			

Loại tài sản, thu nhập	Tăng/giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai <sup>(32)</sup> Ghi tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai vào cột "giá trị tài sản, thu			
nhập" và ghi rõ từng khoản thu nhập có được trong kỳ kê			
khai .			

..... ngày....tháng....năm.... NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

.... ngày....tháng....năm....

NGƯỜI KỂ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

LÊ THÉ DŨNG